

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV2
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13a/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 25/9/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV2, TỈNH PT**

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Y

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký TAND KV2

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV2 Tham gia phiên tòa: Ông Ngô Duy

L - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân KV2, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXX - ST ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: A Phan Thanh H, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Xã B, tỉnh PT (trước đây là Khu 7, xã B, huyện L, tỉnh PT).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Xã B, tỉnh PT (trước đây là Khu 7, xã B, huyện L, tỉnh PT).

Anh H và chị T đều xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải Quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Đỗ Thị Ngọc T đăng ký kết hôn 28/10/2008 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh PT (nay là xã B, tỉnh PT). Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại khu 7, xã B, huyện L, tỉnh PT. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu 6, xã B, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: A Phan Thanh H xác định vợ chồng có 03 con chung là Phan Đỗ Q, sinh 9/5/2009; cháu Phan Yên N, sinh 10/10/2012 và cháu Phan M H, sinh 17/12/2013. Hiện nay chị T không có mặt tại địa phương. Nên khi ly hôn A H xin được nuôi cả 03 con chung. A không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh H xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt H lệ các văn bản tố tụng để chị Đỗ Thị Ngọc T biết, để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng chị T không có mặt (không có lý do). Do đó, chị T không có lời khai và Tòa án nhân dân KV2 - PT không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV2 phát biểu: Trong quá trình giải Quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Phan Thanh H ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc T.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Phan Đỗ Q, sinh 9/5/2009, Phan Yên N, sinh 10/10/2012 và Phan M H, sinh 17/12/2013 cho anh Phan Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Phan Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: A Phan Thanh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn anh Phan Thanh H và bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã B, tỉnh PT (HKTT trước đây: Khu 7, xã B, Hện L, tỉnh PT). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải Quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân KV2 - PT.

[1.2]. Về sự vắng mặt của anh Phan Thanh H và chị Đỗ Thị Ngọc T tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có lời khai trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với sự vắng mặt của chị T: Tòa án đã Nêu lần xuống địa phương, gia đình nhân để giao các văn bản tố tụng cho chị T. Gia đình, địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng và gia đình cho biết đã thông báo cho chị T, để chị đến Tòa có lời khai; Thanh gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật. Nhưng

chị T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Gia đình chị T (Trụ và bà Thuận bố mẹ đẻ) cho biết: Chị T hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan; chị T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua ứng dụng mạng xã hội Messenger, nhưng chị không cho số điện thoại và địa cụ thể tại Đài Loan. Vì vậy, gia đình không thể cung cấp được cho Tòa án. Theo Công văn số 18573 ngày 21/8/2025 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cho biết “*Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý, không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của trường H Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1983, CCCD số: 025189010774*”. Vì vậy, không có căn cứ xác định chị T hiện đang ở đâu. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và của gia đình chị T và chính quyền địa phương nơi A, chị cư trú có thể xác định: A Phan Thanh H và chị Đỗ Thị Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 28/10/2008 tại UBND xã Bản, huyện L, tỉnh PT (nay là xã B, tỉnh PT) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Q định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại khu 7, xã B, cuộc sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại khu 6, xã B. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông Đỗ Văn T và bà Trịnh Thị T (bố mẹ đẻ chị T) cho biết, chị T đã nhận các văn bản của Tòa án và biết việc A H xin ly hôn, chị T nhờ ông bà thông báo lại với Tòa án là chị đồng ý ly hôn và xin giải Quyết vắng mặt do chị ở xa không thể về được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị T đã ly thân thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ; mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Tuy chị T không đến Tòa nhưng theo ông T, bà T (bố mẹ đẻ chị T) nguyện vọng của chị cũng xin được ly hôn anh H. Do vậy, cần xử cho anh Phan Thanh H được ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc T là phù H với cuộc sống hiện tại của vợ chồng và phù H với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: A Phan Thanh H và chị Đỗ Thị Ngọc T có 03 con chung là Phan Đỗ Q, sinh 9/5/2009, cháu Phan Yến N, sinh 10/10/2012 và cháu Phan M H, sinh 17/12/2013. Hiện cháu H đang ở cùng anh H, cháu Q và cháu N đang ở với ông bà ngoại. Tuy nhiên, thỉnh thoảng các cháu về ở cùng A một thời gian. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cả 03 con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả ba con chung đều có lời khai nếu bố mẹ ly hôn thì xin được sống cùng bố. Đồng thời hiện nay chị T đi làm xa, không có mặt

tại địa phương để có thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Đỗ Văn Trụ và bà Trịnh Thị Thuận (bố mẹ đẻ chị T) cũng đồng ý để cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung trong thời gian chị T không ở nhà. Vì vậy, cần giao cháu Phan Đỗ Q, cháu Phan Yến N và cháu Phan M H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Anh H không đề nghị chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Phan Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải Quyết. Nên không đặt ra giải Quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Thanh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 80, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Phan Thanh H ly hôn chị Đỗ Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Phan Đỗ Q, sinh 9/5/2009, Phan Yến N, sinh 10/10/2012 và Phan M H, sinh 17/12/2013 cho A Phan Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung T niên. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh H.

Chị T có quyền thăm nom con chung theo Q định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải Quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo B lai ký hiệu BLTU/25E, số: 0000841 ngày 25/7/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh PT.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT (Phòng giám đốc, kiểm tra, Thanh tra và Thi T án);
- Các đương sự;
- VKSND KV2;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THANHDS KV2;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên